

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của ông Huỳnh Lân số 02/CV-BMF ngày 27 tháng 6 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ chuyên môn Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 15/QĐ-PTNMT ngày 02/4/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho ông Huỳnh Lân (sau đây viết tắt là chủ cơ sở), địa chỉ tại số 1000/43 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 01, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của HKD cơ sở Bình Minh Food (sau đây viết tắt là cơ sở), địa chỉ cơ sở số 38 đường Cái Sao Bờ Hồ, khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: HKD cơ sở Bình Minh Food.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 38 đường Cái Sao Bờ Hồ, khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số 52A8036018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/02/2023 do Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Long Xuyên cấp



1.4. Mã số thuế: 1600971407-001.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh, chế biến và đóng gói hàng nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: cơ sở được thực hiện tại số 38 đường Cái Sao Bờ Hồ, khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Phạm vi cơ sở có tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp nhà dân và đất trồng.

+ Phía Nam giáp mương công cộng.

+ Phía Đông giáp đất trồng.

+ Phía Tây giáp đường Cái Sao Bờ Hồ.

- Quy mô, công suất:

+ Tổng diện tích đất: 598,3 m².

+ Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công) và nhóm III phân loại theo tiêu chí về môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

+ Công suất hoạt động: Sơ chế đóng gói hàng nông sản với công suất 300 kg sản phẩm/ngày (93,6 tấn sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.


2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ông Huỳnh Lâm được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ông Huỳnh Lâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng. 

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 8 năm (từ ngày 02 tháng 7 năm 2024 đến ngày 02 tháng 7 năm 2032)

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Tổ Môi trường, UBND phường Mỹ Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh An Giang;
- UBND thành phố;
- UBND phường Mỹ Thạnh;
- Thành viên tổ kiểm tra theo QĐ số 15/QĐ-PTNMT;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, MT.



TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Thị Hoa Lài

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-PTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng phát sinh 0,2 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước rửa sàn nền và vệ sinh thiết bị, lưu lượng phát sinh 0,4 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý bụi của lò hơi, lưu lượng phát sinh 0,4 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau khi xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Mương công cộng.

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- 01 vị trí tại ống xả nước thải ra Mương công cộng tại khóm Hưng Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 577841; Y: 1142875 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°).

2.3. *Lưu lượng xả nước thải tối đa:* 1 m³/ngày, tương đương 0,125 m³/giờ (tương ứng với chế độ xả nước thải 8 giờ/ngày (24 giờ)).

2.3.1. *Phương thức xả nước thải*

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Tự chảy.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:*

+ Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

+ Thời gian xả nước thải: không liên tục (8 giờ/ngày (24 giờ)).

2.3.3. *Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:*

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), cụ thể như sau:

Ch

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A), $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	06 tháng /lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	32,4		
3	COD	mg/L	81		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	54		
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	5,4		
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	5,4		
7	Coliform	Vi khuẩn/100mL	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 4,2 m³), sau đó được dẫn về bể phốt 4 ngăn (công suất thiết kế 5 m³/ngày.đêm) bằng đường ống nhựa PVC Φ90 mm, chiều dài 8,5 m để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A), trước khi thoát mương công cộng bằng đường ống PVC Φ90 mm, chiều dài 12 m.

- Đối với nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa sàn nền, rửa dụng cụ được thu gom bằng cống BTCT Φ400 mm, chiều dài 18 m, dẫn về bể phốt 4 ngăn để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A), trước khi thoát mương công cộng bằng đường ống PVC Φ90, chiều dài 12 m.

- Đối với nguồn số 03: Nước thải lò hơi được thu gom bằng cống BTCT Φ 200 mm, chiều dài 10,5 m, dẫn về bể phốt 4 ngăn để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT (cột A), trước khi thoát mương công cộng bằng đường ống PVC Φ90, chiều dài 12 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: bể tự hoại 3 ngăn

- Số lượng: 01 bể tự hoại đặt tại nhà vệ sinh.

8C 

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → bể phốt 4 ngăn → Nguồn tiếp nhận.

- Dung tích thiết kế: 1,4m x 2,0m x 1,5m, thể tích 4,2 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → song chắn rác → ngăn tách dầu ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2 → ngăn lọc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố.

- Ngừng xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, khẩn trương thực hiện rà soát, kiểm tra phát hiện sự cố để kịp thời xử lý đảm bảo không để nước thải gây ô nhiễm môi trường. Nhanh chóng khắc phục để hệ thống sớm vận hành trở lại, đảm bảo không để xảy ra tình trạng nước thải phát sinh vượt quá khả năng chịu tải của hệ thống xử lý nước thải.

- Báo ngay nhà cung cấp và cơ quan thẩm quyền về sự cố và tổ chức khắc phục trong vòng 24 giờ.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực của hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Hoàn thành bố trí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm hoàn toàn khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3. Trong quá trình hoạt động, nếu có các vấn đề phát sinh liên quan đến xử lý chất thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải hoặc có sự cố bất thường, chủ cơ sở báo cáo kịp thời về UBND phường Mỹ Thạnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố và tổ chức khắc phục theo quy định./.

HC CH



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-PTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi.

2. Dòng khí thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải thoát ra môi trường qua ống khói có đường kính $\Phi 500\text{mm}$, chiều cao 10m.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải: Tại miệng ống khói của hệ thống xử lý khí thải.

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 577831; Y: 1142876 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: khoảng $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả khí thải

- Phương thức xả thải không liên tục 8h/24h (theo thời gian vận hành của hệ thống xử lý khí thải).

2.3.2. Chế độ xả khí thải:

+ Chu kỳ xả khí thải: Hằng ngày.

+ Thời gian xả khí thải: xả gián đoạn theo thời gian vận hành của hệ thống xử lý khí thải).

2.3.3. Chất lượng khí thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng khí thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B), với hệ số $K_p = 1$; $K_v = 0,6$, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	120		

Chữ ký

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
2	CO	mg/Nm ³	600	Không	Không thuộc đối tượng
3	NOx	mg/Nm ³	510		
4	SO2	mg/Nm ³	300		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

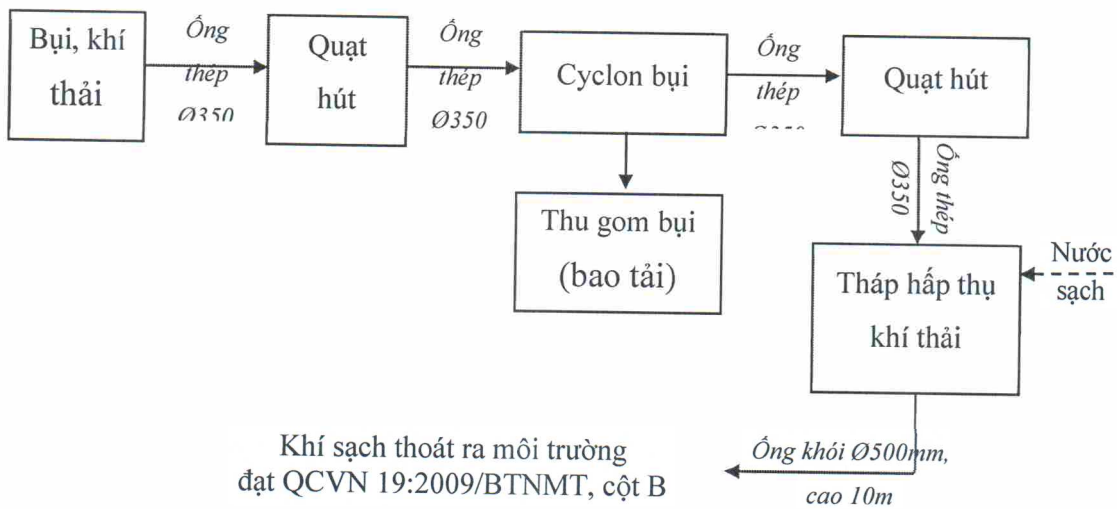
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh tại buồng đốt của lò hơi để cung cấp hơi nhiệt cho quá trình sản xuất được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải lò hơi bằng đường ống thu $\Phi 350\text{mm}$ và quạt hút công suất 2Hp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: 

Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm định lại nồi hơi, đảm bảo độ ổn định của các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động của lò hơi, mở các van an toàn và thuê đơn vị đủ chức năng kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm định lại nồi hơi, đảm bảo an toàn trước khi đưa vào vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Phải đảm bảo giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thạnh và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-PTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy quay ly tâm để tách dầu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ vị trí xả thải: X: 577823; Y: 1142869 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sử dụng.
- Định kỳ thay thế các đệm cao su tại các máy có phát sinh ồn, rung.
- Khu vực đặt máy quay ly tâm được lắp đặt bên trong nhà xưởng có vách kín nên rất hạn chế việc phát tán tiếng ồn ảnh hưởng môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, kiểm định đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *Ch*

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG
PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-PTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Loại chất thải	Trạng thái (rắn, lỏng, bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	18 01 03	1,0
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 02	1,0
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	1,0
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	0,5
5	Chất hấp phụ, vật liệu lọc	Rắn/lỏng	08 02 01	20
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	30
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	0,5
Tổng khối lượng				54,0



1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Biện pháp xử lý
1	Dầu chiên thải	Bùn (TT)	12 06 11	15	Bán phế liệu
2	Bao bì nhựa (bọc nilon)	Rắn (TT-R)	18 01 06	1,0	
3	Vật liệu lọc phát sinh từ bể tách dầu của quá trình xử lý nước thải	Rắn (TT)	18 02 02	0,5	Chuyển giao cho Công ty MTĐT An Giang thu gom xử lý
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn (TT)	12 06 13	0,5	Tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng
5	Tro đáy, xỉ, bụi từ lò hơi	Rắn (TT)	04 01 04	25	
Tổng khối lượng				42,0	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 3,25 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải 50 lít tại kho chứa để thu gom và phân loại (rắn/lỏng).

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 1,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền bê tông, vách tole, mái lợp tole, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:



- Chất thải bao bì, máy móc hỏng và dầu chiên thải: Được thu gom vào bao chứa và bán phế liệu.

- Dầu chiên thải phát sinh từ bể tách dầu, công đoạn chiên được thu gom vào can nhựa dung tích 20 lít để bán phế liệu.

- Vật liệu lọc phát sinh từ bể tách dầu của quá trình xử lý nước thải được thu gom vào thùng nhựa dung tích 20 lít để chuyển giao cho Công ty MTĐT An Giang thu gom xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn là tro thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom và tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

2.2.2. *Kho/khu vực lưu chứa*: không có. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty CP Môi trường đô thị An Giang thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*:

Bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy kín, dung tích thùng từ 10 - 20 lít để thu gom, lưu giữ chất thải tại cơ sở, cụ thể như sau:

- Phòng giao dịch: Số lượng 01 thùng, thể tích 10 lít, thùng nhựa.

- Phòng vật tư: Số lượng 01 thùng, loại 10 lít, thùng nhựa màu xanh.

+ Nhà vệ sinh: Số lượng 01 thùng, thể tích 05 lít, thùng nhựa

+ Công ra vào cơ sở: Số lượng 02 thùng, thể tích 20 lít, thùng nhựa.

2.3.2. *Kho/khu vực lưu chứa*: không có. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty CP Môi trường đô thị An Giang thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

* *Sự cố về cháy nổ*:

- Trang bị vật liệu hấp thụ, 08 bình PCCC loại 6 – 8 kg để phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thích hợp, dễ tiếp cận như cửa ra vào, hành lang,...

- Lắp đặt tiêu lệnh về PCCC./.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-PTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên)

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở, đề nghị Chủ cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ cơ sở thì Chủ cơ sở mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của chủ cơ sở trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

ĐK 

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10

10/10/10